

Số: /BC-UBND

Yên Phong, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 đầu năm 2024

Kính gửi: Phòng Nội vụ huyện Chợ Đồn

Thực hiện Văn bản số 1350/UBND-NV ngày 28/5/2024 của UBND huyện Chợ Đồn về việc thực hiện báo cáo công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Yên Phong báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)

- Công tác ban hành văn bản, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính: trên cơ sở các Kế hoạch của Tỉnh, Huyện, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 01/02/2024 để triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính trong năm 2024. Bên cạnh đó, công tác cải cách hành chính được lãnh đạo đơn vị quán triệt, chỉ đạo thực hiện tại Hội nghị giao nhiệm vụ năm 2024, thường xuyên đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch tại các cuộc họp giao ban hàng tháng.

- Đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC của đơn vị: công tác cải cách hành chính được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, được lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất triển khai đồng bộ, bám sát theo các chương trình, kế hoạch của cấp trên. Thường xuyên đôn đốc các ban ngành, các bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch từ đầu năm. Quán triệt cán bộ, công chức trong đơn vị chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

- Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC: các kế hoạch CCHC được gửi đến các ban ngành đoàn thể để lồng ghép tuyên truyền tại các cuộc họp của các tổ chức hội đoàn thể để tuyên truyền đến các đoàn viên, hội viên; tuyên truyền lồng ghép tại các hội nghị giao hàng tháng tại xã; đăng tải Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; tuyên truyền, phổ biến hưởng ứng tham gia cuộc thi “tìm hiểu về an toàn giao thông trên nền tảng Giao thông số” năm 2024 trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan: 6 tháng đầu năm chưa có mô hình, sáng kiến, giải pháp được triển khai hiệu quả tại cơ quan.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế:

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL): 6 tháng đầu năm 2024 đơn vị không xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật, Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, UBND xã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 21/02/2024, kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Yên Phong năm 2024. Nội dung kế hoạch đã xác định lĩnh vực trọng tâm năm 2024 là bảo đảm việc theo dõi thi hành pháp luật được thực hiện thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm. Đến thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Kết quả kiểm tra văn bản QPPL: 6 tháng đầu năm 2024 xây dựng Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 29/01/2024, kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2024. UBND xã ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND hết hiệu lực, còn hiệu lực trong kỳ Hệ thống hóa kỳ 2019-2023.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: đến thời điểm báo cáo, đơn vị đã xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp (Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 18/01/2024), và lồng ghép tuyên truyền nội dung của Kế hoạch tại Hội nghị giao ban của xã tháng 02/2024 (hội nghị giao ban ngày 16/02/2024) và tổ chức tuyên truyền tại thôn được 01 buổi với 40 lượt người tham gia.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: nhằm kịp thời phát hiện để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ TTHC, quy định có liên quan không cần thiết, không phù hợp, UBND xã Yên Phong đã xây dựng Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 05/02/2024 kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2024. Trên cơ sở kế hoạch, các bộ phận chuyên môn có thủ tục hành chính đã tiến hành rà soát các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực được phân công, tuy nhiên không đưa ra được phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính nào.

- Số lượng TTHC cấp xã là: 123 TTHC

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của bộ phận Một cửa: Bộ phận Một cửa xã Yên Phong có diện tích khoảng 45m², có 05 máy tính, 05 máy in, 01 máy scan, 10 ghế ngồi chờ... cho cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch. Nhân sự Bộ phận Một cửa gồm 01 Lãnh đạo phụ trách chung, 05 công chức trực thường xuyên.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: 6 tháng đầu năm chưa có số liệu về số hóa hồ sơ, giấy tờ

+ Tổng hợp kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: 6 tháng đầu năm tiếp nhận và giải quyết 874 hồ sơ TTHC, trong đó tiếp nhận trực tiếp 820 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến trên Một cửa điện tử 35 hồ sơ, tiếp nhận qua công dịch vụ công quốc gia 19 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: trong kỳ báo cáo đơn vị không nhận được phản ánh, kiến nghị nào của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: 100% hồ sơ trả đúng hạn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tổng số cán bộ, công chức của UBND xã Yên Phong đến thời điểm báo cáo là 21 người, trong đó 11 cán bộ, 10 công chức chuyên môn.

4. Cải cách chế độ công vụ

6 tháng đầu năm 2024 cán bộ, công chức trong đơn vị chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

5. Cải cách hành chính công:

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại đơn vị: Thu NSNN: 111.504.970đ/150.000.000đ đạt 74,3%

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: tài sản công được quản lý, sử dụng theo quy định của nhà nước.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Công tác chuyển đổi số được cấp Ủy, Chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện từ đầu năm. UBND xã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 05/02/2024 về kế hoạch chuyển đổi số năm 2024.

- 17/17 thôn bản trên địa bàn xã được phủ sóng di động; đơn vị được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; cán bộ, công chức trong đơn vị sử dụng ổn định phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến; hệ thống thư điện tử công vụ; phần mềm quản lý CBCCVC.

- Triển khai truyền truyền việc thanh toán không dùng tiền mặt trong việc chi trả trợ cấp ưu đãi, trợ giúp xã hội cho người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội theo văn bản chỉ đạo của cấp trên.

III, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực: Công tác CCHC được quan tâm, chỉ đạo kịp thời; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành được trú trọng.

2. Những tồn tại hạn chế

- Công tác tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên, hình thức tuyên truyền chưa phong phú; chưa có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện CCHC; chưa có hồ sơ TTHC được thanh toán trực tuyến.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

- Tiếp tục đôn đốc các bộ phận liên quan thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong kế hoạch CCHC năm 2024; tăng cường công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Tiếp tục số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

- Công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết bằng hình thức thiết thực và thích hợp;

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính;

- Triển khai các phương pháp đánh giá sự hài lòng của cá nhân, tổ chức trong giải quyết các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính trong cán bộ, công chức;

- Tăng cường phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng CNTT.

- Chỉ đạo thực hiện quyết liệt hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Trên đây là báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Yên Phong./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND (b/c)
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Triệu Tuấn

Phụ lục I
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Các cơ quan chuyên môn phụ trách CCHC cấp huyện, UBND các xã, thị trấn
(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày / /2024 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	8	
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	21	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	8	
1.3	Kiểm tra CCHC			<i>Cấp huyện báo cáo</i>
1.3.1	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Đơn vị		
1.3.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.4	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp		
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không		
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	1	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	1	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục		
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục		
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số phòng chuyên môn	Phòng, tương đương		
4.2	Số ban, chi cục... trực thuộc	Đơn vị		
4.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Đơn vị		
4.4	Tỷ lệ ĐVSNCCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.5	Số liệu về biên chế công chức			
4.5.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	9	
4.5.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10	
4.5.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.5.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.5.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.6	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.6	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.6.1	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.6.2	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.6.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%		
5.1.2	Số viên chức sự nghiệp đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%		
5.2	Tuyển dụng viên chức			
5.2.1	Số viên chức được tuyển dụng mới (qua thi tuyển)	Người		
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng mới (qua xét tuyển)	Người		
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)			
5.3.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lại	Người		
5.3.5	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người		
5.3.6	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm lại	Người		
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật.	Người		
5.4.3	Số công chức, người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		Cấp huyện báo cáo
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.5	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			Cấp huyện báo cáo cả cấp xã
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%		
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn phần	%		
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn phần	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn phần	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia			
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến của cơ quan, đơn vị	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (chỉ thống kê đối với các TTHC trực tuyến có phát sinh hồ sơ)	%		
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục		
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		